



Giải phẫu học
về nhà nước

Anatomy
of the State

Murray N. Rothbard

Giải phẫu học về nhà nước

Murray N. Rothbard

Phong trào Duy Tân biên dịch

© Phong trào Duy Tân

Sách được biên dịch bởi Phong trào Duy Tân, với sự cho phép của Viện Mises. Sách được phép chia sẻ tự do. Đọc thêm các tài liệu khác, hoàn toàn miễn phí, trên trang nhà của Phong trào Duy Tân tại địa chỉ: www.phongtraoduytan.com

*The greatest danger
to the State
is independent
intellectual criticism.*

*Mối nguy hiểm lớn nhất
đối với Nhà nước
là sự chỉ trích mang tính trí thức
và độc lập.*

Murray N. Rothbard

Những gì nhà nước không phải là	8
Nhà nước là gì	12
Làm thế nào nhà nước duy trì sự tồn tại của mình	18
Làm thế nào mà nhà nước vượt qua giới hạn của nó	32
Điều mà nhà nước sợ hãi	47
Cách các quốc gia liên hệ với nhau	50
Lịch sử như là một cuộc đua giữa quyền lực nhà nước và quyền lực xã hội	57

Những gì nhà nước không phải là



Nhà nước gần như được mọi người coi là một tổ chức phục vụ xã hội. Một số nhà lý thuyết tôn sùng nhà nước như là hiện thân tối cao của xã hội; những người khác xem nó như một tổ chức thân thiện, mặc dù thường không hiệu quả, nhằm đạt được các mục tiêu xã hội; nhưng hầu như tất cả đều xem nhà nước là một phương tiện cần thiết để đạt được các mục tiêu của nhân loại, một phương tiện được đặt đối lập với “khu vực tư nhân” và thường giành chiến thắng trong cuộc cạnh tranh về nguồn lực này.

Với sự trỗi dậy của nền dân chủ, sự đồng nhất nhà nước với xã hội càng được củng cố, đến mức người ta thường nghe những tình cảm được bày tỏ mà chính nó vi phạm hầu hết các nguyên tắc của lý trí và lẽ thường, chẳng hạn như “chúng ta là chính phủ.” Thuật ngữ tập thể tiện lợi “chúng ta” đã cho phép tạo ra một lớp vỏ ý thức hệ nhằm che giấu những thực tế của đời sống chính trị.

Nếu “chúng ta là chính phủ,” thì bất kỳ điều gì chính phủ làm đối với một cá nhân không chỉ là công bằng và không chuyên chế mà còn được xem là một sự “tự

nguyện” đối với cá nhân đó. Nếu chính phủ gánh một khoản nợ công khổng lồ và món nợ này phải được trả bằng cách đánh thuế một nhóm người vì lợi ích của một nhóm người khác, gánh nặng thực tế này được che mờ bằng cách nói rằng “chúng ta nợ chính mình”; nếu chính phủ bắt một người nhập ngũ hoặc tống anh ta vào tù vì bất đồng ý kiến, thì anh ta đang “làm điều đó với chính mình,” và do đó không có gì bất thường xảy ra.

Theo lý luận này thì bất kỳ người Do Thái nào bị chính phủ Đức Quốc xã sát hại thực ra không bị sát hại; thay vào đó, họ phải được coi là đã “tự sát,” vì họ chính là chính phủ (được bầu một cách dân chủ), và do đó, bất kỳ điều gì chính phủ làm với họ đều là một sự tự nguyện từ phía họ. Người ta sẽ không nghĩ rằng cần phải giải thích thêm về điểm này, nhưng phần lớn người dân vẫn giữ quan niệm sai lầm này ở các mức độ khác nhau.

Do đó, chúng ta phải nhấn mạnh rằng “chúng ta” không phải là chính phủ; chính phủ không phải là “chúng ta.” Chính phủ không đại diện một cách chính xác cho đa số người dân.¹ Nhưng ngay cả khi nó làm được điều đó,

¹ Trong chương này, chúng tôi không thể phát triển các vấn đề và nguy hiểm của “dân chủ.” Chỉ cần nói ở đây rằng, đại diện thực sự hoặc “người đại diện” của một cá nhân luôn phải tuân theo mệnh lệnh của cá nhân đó, có thể bị bãi nhiệm bất kỳ lúc nào và không được hành động trái với lợi ích hoặc mong muốn của người ủy quyền. Rõ ràng, “người đại diện” trong một nền dân chủ không bao giờ có thể thực hiện đầy đủ các chức năng đại diện như vậy, những chức năng duy nhất phù hợp với một xã hội tự do.

ngay cả khi 70% người dân quyết định giết 30% còn lại, thì điều này vẫn là hành vi giết người và không phải là hành động tự sát tự nguyện từ phía nhóm thiểu số bị sát hại.² Không một phép ẩn dụ hữu cơ nào, cũng như không một khẩu hiệu sáo rỗng nào chẳng hạn như “chúng ta đều là một phần của nhau”, được cho phép để che lấp sự thật cơ bản này.

Vậy thì, nếu nhà nước không phải là “chúng ta,” không phải là “một gia đình nhân loại” cùng nhau giải quyết các vấn đề chung, không phải là một cuộc họp hội đồng hay một câu lạc bộ đồng quê, thì nó là gì?

Một cách ngắn gọn, nhà nước là một tổ chức trong xã hội mà tổ chức này cố gắng duy trì việc độc quyền sử dụng bạo lực và vũ lực trong một khu vực lãnh thổ nhất định; cụ thể hơn, nó là tổ chức duy nhất trong xã hội có được nguồn thu không phải thông qua đóng góp tự nguyện hoặc thanh toán cho các dịch vụ đã cung cấp mà thông qua cưỡng ép.

Trong khi các cá nhân hoặc tổ chức khác kiếm thu nhập thông qua sản xuất hàng hóa và dịch vụ và bằng cách

² Những người theo chủ nghĩa dân chủ xã hội thường phản bác rằng dân chủ – việc lựa chọn người cai trị dựa trên đa số – về mặt logic hàm ý rằng đa số phải để lại một số quyền tự do nhất định cho thiểu số, vì thiểu số có thể một ngày nào đó trở thành đa số. Ngoài các sai sót khác, lập luận này rõ ràng không thể áp dụng khi thiểu số không thể trở thành đa số, chẳng hạn như khi thiểu số thuộc nhóm chủng tộc hoặc sắc tộc khác với đa số.

bán những hàng hóa và dịch vụ này cho người khác một cách hòa bình và tự nguyện, thì nhà nước có được nguồn thu của mình bằng cách sử dụng sự ép buộc; nghĩa là, bằng cách sử dụng và đe dọa bằng nhà tù và lưỡi lê.³

Sau khi sử dụng vũ lực và bạo lực để có được nguồn thu, nhà nước thường tiếp tục điều tiết và chỉ đạo các hành động khác của các cá nhân trong xã hội. Người ta sẽ nghĩ rằng chỉ cần một quan sát đơn giản về tất cả các nhà nước xuyên suốt lịch sử và trên toàn cầu là đủ để chứng minh cho tuyên bố này; nhưng lớp sương mù huyền thoại đã bao phủ quá lâu trên hoạt động của nhà nước đến mức việc giải thích chi tiết trở nên cần thiết.

³ Joseph A. Schumpeter, *Capitalism, Socialism, and Democracy* (New York: Harper and Bros., 1942), trang 198. Sự xung đột hoặc đối lập giữa khu vực tư nhân và khu vực công đã bị gia tăng ngay từ đầu bởi thực tế rằng... Nhà nước sống dựa trên doanh thu được tạo ra trong khu vực tư nhân cho các mục đích tư nhân và doanh thu đó phải được chuyển hướng khỏi các mục đích này bằng lực lượng chính trị. Lý thuyết coi thuế như hội phí câu lạc bộ hoặc như chi phí mua dịch vụ của một bác sĩ chẳng hạn chỉ chứng minh được mức độ mà lĩnh vực này của khoa học xã hội đã rời xa thói quen tư duy khoa học. Cũng xem thêm Murray N. Rothbard, "The Fallacy of the 'Public Sector'", *New Individualist Review* (Summer, 1961): trang 3 và tiếp theo.

Nhà nước là gì



Con người sinh ra trần trỗng vào thế giới, và cần phải sử dụng trí óc của mình để học cách khai thác những tài nguyên mà thiên nhiên ban tặng, và biến chúng (ví dụ, bằng cách đầu tư vào “vốn”) thành những hình thức và dạng thức, những nơi mà tài nguyên có thể được sử dụng để thỏa mãn nhu cầu và nâng cao mức sống của mình. Cách duy nhất để con người làm được điều này là sử dụng trí óc và năng lượng của mình để biến đổi tài nguyên (“sản xuất”) và trao đổi những sản phẩm này với những sản phẩm do người khác tạo ra.

Con người đã nhận ra rằng, thông qua quá trình trao đổi tự nguyện và mang tính chất tương hỗ, năng suất lao động và mức sống của tất cả những người tham gia có thể tăng trưởng đáng kể. Vì vậy, con đường “tự nhiên” duy nhất để con người sinh tồn và đạt được sự giàu có là sử dụng trí óc và năng lượng của mình để tham gia vào quá trình sản xuất và trao đổi. Đầu tiên, con người làm điều này bằng cách tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên, sau đó biến chúng (bằng cách “trộn công lao” của mình với chúng, như Locke đã nói) để biến chúng thành tài sản cá nhân, và cuối cùng là trao đổi tài sản này với tài sản tương tự mà người khác đã có được.

Con đường xã hội mà bản chất con người yêu cầu, vì vậy, chính là con đường của “quyền sở hữu” và “thị trường tự do” trong việc trao tặng hoặc trao đổi quyền sở hữu đó. Chính qua con đường này, con người đã học cách tránh những phương thức “rùng rú” trong việc tranh giành tài nguyên khan hiếm, nơi A chỉ có thể chiếm đoạt tài nguyên của B, và thay vào đó, họ đã biết cách gia tăng nguồn tài nguyên này một cách khổng lồ thông qua sản xuất và trao đổi hòa bình và hài hòa.

Nhà xã hội học vĩ đại người Đức Franz Oppenheimer đã chỉ ra rằng có hai cách hoàn toàn đối lập để đạt được sự giàu có; một cách, như đã nêu ở trên, là sản xuất và trao đổi, mà ông gọi là “phương tiện kinh tế.”

Cách kia đơn giản hơn ở chỗ nó không yêu cầu năng suất; đó là cách chiếm đoạt hàng hóa hoặc dịch vụ của người khác bằng cách sử dụng vũ lực và bạo lực. Đây là phương thức tịch thu một chiều, ăn cắp tài sản của người khác. Đây là phương thức mà Oppenheimer gọi là “phương tiện chính trị” để đạt được sự giàu có.

Rõ ràng, việc sử dụng lý trí và năng lượng một cách hòa bình trong sản xuất là con đường “tự nhiên” cho con người: phương tiện để con người tồn tại và phát triển trên trái đất này.

Cũng cần phải rõ ràng rằng phương tiện cưỡng bức và bóc lột đi ngược lại với quy luật tự nhiên; nó mang tính

ký sinh, vì thay vì bổ sung vào sản xuất, nó lại làm giảm đi. “Phương tiện chính trị” rút sản phẩm từ sản xuất và chuyển cho một cá nhân hoặc một nhóm ký sinh và phá hoại; và việc rút sản phẩm này không chỉ làm giảm số lượng người tham gia sản xuất, mà còn làm giảm động lực của người sản xuất để sản xuất nhiều hơn mức cần cho sinh tồn của chính mình.

Về lâu dài, kẻ cướp sẽ phá hủy sự sinh tồn của chính mình bằng cách làm giảm hoặc loại bỏ nguồn cung cấp của chính hắn. Nhưng không chỉ có vậy; ngay cả trong ngắn hạn, kẻ săn mồi cũng đang hành động trái ngược với bản chất thật sự của mình như một con người.

Giờ đây chúng ta đã có thể trả lời đầy đủ hơn câu hỏi: nhà nước là gì?

Theo lời của Oppenheimer, nhà nước là “tổ chức của phương tiện chính trị”; nó là sự hệ thống hóa quá trình

sẵn mồi trong một lãnh thổ nhất định.⁴ Bởi vì tội phạm, trong trường hợp tốt nhất, chỉ mang tính ngẫu nhiên và không chắc chắn; ký sinh trùng chỉ là tạm thời, và nguồn sống ký sinh và cưỡng chế có thể bị cắt đứt bất cứ lúc nào bởi sự phản kháng của các nạn nhân.

Nhà nước cung cấp một kênh hợp pháp, có trật tự, và có hệ thống cho việc sẵn mồi tài sản tư nhân; nó khiến nguồn sống của tầng lớp ký sinh trong xã hội trở nên chắc chắn, an toàn, và tương đối “hòa bình.”⁵

Vì sản xuất luôn phải đi trước sự sẵn mồi, thị trường tự do tồn tại trước nhà nước. Nhà nước chưa bao giờ được

⁴ Franz Oppenheimer, *The State* (New York: Vanguard Press, 1926), tr. 24-27: “Có hai phương tiện cơ bản đối lập nhau mà con người, để đáp ứng nhu cầu sinh tồn, bị thúc đẩy phải tìm cách đạt được các phương tiện cần thiết để thỏa mãn mong muốn của mình. Đó là lao động và cướp bóc, tức là lao động của bản thân và sự chiếm đoạt bằng vũ lực lao động của người khác... Trong phần thảo luận tiếp theo, tôi đề xuất gọi lao động của bản thân và sự trao đổi tương đương lao động của bản thân với lao động của người khác là ‘phương tiện kinh tế’ để thỏa mãn nhu cầu, trong khi sự chiếm đoạt lao động của người khác mà không hoàn lại sẽ được gọi là ‘phương tiện chính trị’... Nhà nước là một tổ chức của phương tiện chính trị. Vì vậy, không có nhà nước nào có thể hình thành nếu phương tiện kinh tế chưa tạo ra một số lượng nhất định các đối tượng để thỏa mãn nhu cầu, mà các đối tượng đó có thể bị tước đoạt hoặc chiếm đoạt bằng cướp bóc kiểu chiến tranh.”

⁵ Albert Jay Nock đã viết một cách sinh động rằng nhà nước tuyên bố và thực hiện độc quyền về tội ác... Nó cấm giết người tư nhân, nhưng tự tổ chức các cuộc giết chóc trên quy mô khổng lồ. Nó trừng phạt hành vi trộm cắp tư nhân, nhưng lại vô đạo đức chiếm đoạt bất cứ thứ gì nó muốn, bất kể đó là tài sản của công dân hay người ngoại quốc. Nock, *On Doing the Right Thing, and Other Essays* (New York: Harper and Bros., 1929), tr. 143; được trích dẫn trong Jack Schwartzman, “Albert Jay Nock—A Superfluous Man,” *Faith and Freedom* (tháng 12 năm 1953): 11.

tạo ra bởi một “hợp đồng xã hội”; nó luôn được sinh ra từ sự chinh phục và bóc lột.

Mô hình cổ điển là một bộ tộc xâm lược tạm dừng phương pháp truyền thống của mình là cướp bóc và giết hại một bộ tộc bị chinh phục, để nhận ra rằng thời gian cướp bóc sẽ lâu dài và an toàn hơn, và tình hình sẽ dễ chịu hơn, nếu bộ tộc bị chinh phục được phép sống và sản xuất, trong khi những kẻ xâm lược định cư cùng họ như những người cai trị và được nhận một khoản cống nạp ổn định hàng năm.⁶

Một phương thức hình thành nhà nước có thể được minh họa như sau: tại những vùng đồi núi ở phía nam “Ruritania,” một nhóm cướp bóc đã chiếm được quyền kiểm soát lãnh thổ, và cuối cùng, thủ lĩnh băng cướp tự xưng mình là “Vị Vua của chính phủ chủ quyền và độc lập của Nam Ruritania”; và nếu ông ta cùng với những người trong nhóm có đủ sức mạnh để duy trì quyền cai trị này trong một thời gian, thì kỳ diệu thay! một nhà

⁶ Oppenheimer, *The State*, tr. 15: Vậy thì, nhà nước là gì dưới góc độ khái niệm xã hội học? Nhà nước, hoàn chỉnh trong nguồn gốc của nó... là một tổ chức xã hội do một nhóm người chiến thắng áp đặt lên một nhóm người bị đánh bại, với mục đích duy nhất là điều chỉnh sự thống trị của nhóm chiến thắng đối với nhóm bị đánh bại, và bảo vệ chính nó trước các cuộc nổi dậy từ bên trong và các cuộc tấn công từ bên ngoài. Về mặt mục đích, sự thống trị này không có mục đích nào khác ngoài việc bóc lột kinh tế của những kẻ bị đánh bại bởi những kẻ chiến thắng. Và de Jouvenel cũng viết: “Nhà nước về bản chất là kết quả của những thành công đạt được bởi một băng cướp áp đặt sự thống trị của mình lên các xã hội nhỏ, riêng biệt.” Bertrand de Jouvenel, *On Power* (New York: Viking Press, 1949), tr. 100-01.

nước mới đã gia nhập “gia đình các quốc gia,” và những thủ lĩnh băng cướp trước đây đã được biến thành tầng lớp quý tộc hợp pháp của vương quốc.

Làm thế nào nhà nước duy trì sự tồn tại của mình



Khi một nhà nước được thành lập, vấn đề của nhóm hay “tầng lớp” cai trị là làm thế nào để duy trì sự cai trị của họ.⁷ Trong khi cưỡng ép là phương thức hoạt động của họ, thì vấn đề cơ bản và lâu dài lại là về mặt ý thức hệ. Để tiếp tục nắm quyền, bất kỳ chính phủ nào (không chỉ riêng chính phủ “dân chủ”) đều phải có được sự ủng hộ của đa số thần dân. Cần lưu ý rằng sự ủng hộ này không nhất thiết phải là sự nhiệt tình tích cực; nó có thể chỉ là sự cam chịu thụ động, giống như đối với một quy luật tất yếu của tự nhiên. Nhưng phải có sự ủng hộ ở mức độ nào đó; nếu không, thiếu số những người cai trị nhà nước cuối cùng sẽ bị áp đảo bởi sự phản kháng tích cực của đa số dân chúng. Vì việc chiếm đoạt phải được hỗ trợ từ phần thặng dư sản xuất, nên chắc chắn là giai cấp cấu thành nhà nước — bộ máy quan liêu toàn thời gian (và quý tộc?) — phải là một thiểu số khá nhỏ trong đất nước, mặc dù tất nhiên, họ có thể mua chuộc đồng

⁷ Về sự khác biệt quan trọng giữa “tầng lớp” (caste), một nhóm với các đặc quyền hoặc gánh nặng do nhà nước áp đặt, và khái niệm “giai cấp” (class) của Marx trong xã hội, tham khảo Ludwig von Mises, *Theory and History* (New Haven, Conn.: Yale University Press, 1957), tr. 112 trở đi.

minh từ những nhóm quan trọng trong dân chúng. Vì vậy, nhiệm vụ chính của các nhà cầm quyền luôn là đảm bảo sự chấp nhận tích cực hoặc cam chịu từ đa số công dân.^{8,9}

Dĩ nhiên, một phương pháp để đảm bảo sự ủng hộ là tạo ra các lợi ích kinh tế gắn bó. Vì vậy, nhà vua không thể cai trị một mình; ông ta cần có một nhóm đáng kể những người trung thành hưởng lợi từ quyền lực, chẳng hạn như các thành viên của bộ máy nhà nước, gồm tầng lớp quan liêu toàn thời gian hoặc tầng lớp quý tộc.¹⁰ Nhưng điều này vẫn chỉ đảm bảo được sự ủng hộ nhiệt thành của một nhóm thiểu số, và ngay cả việc mua chuộc sự ủng hộ thông qua trợ cấp và các đặc quyền khác cũng không giành được sự đồng thuận từ đa số. Để

⁸ Sự chấp nhận như vậy, tất nhiên, không ngụ ý rằng sự cai trị của nhà nước trở thành “tự nguyện”; vì ngay cả khi đa số ủng hộ một cách tích cực và hào hứng, sự ủng hộ này không phải là sự đồng thuận của mọi cá nhân.

⁹ Rằng mọi chính phủ, bất kể nó “độc tài” như thế nào đối với cá nhân, đều phải đảm bảo sự ủng hộ này và điều này đã được chứng minh bởi các nhà lý thuyết chính trị sắc sảo như Étienne de la Boétie, David Hume và Ludwig von Mises. Xem thêm: David Hume, “Of the First Principles of Government,” trong *Essays, Literary, Moral and Political* (London: Ward, Locke, and Taylor, không đề năm), tr. 23; Étienne de la Boétie, *Anti-Dictator* (New York: Columbia University Press, 1942), tr. 8-9; Ludwig von Mises, *Human Action* (Auburn, Ala.: Mises Institute, 1998), tr. 188 trở đi. Về phân tích của la Boétie về nhà nước, xem Oscar Jaszi và John D. Lewis, *Against the Tyrant* (Glencoe, Ill.: The Free Press, 1957), tr. 55-57.

¹⁰ La Boétie, *Anti-Dictator*, tr. 43-44: Bất cứ khi nào một nhà cầm quyền biến mình thành nhà độc tài... tất cả những người bị tha hóa bởi tham vọng cháy bỏng hoặc lòng tham vô độ sẽ tụ tập xung quanh ông ta và ủng hộ ông ta để có một phần chiến lợi phẩm và trở thành các thủ lĩnh nhỏ dưới một bạo chúa lớn.

đạt được sự chấp nhận thiết yếu này, đa số cần được thuyết phục qua tư tưởng rằng chính phủ của họ là tốt, khôn ngoan, và ít nhất là tất yếu, và chắc chắn tốt hơn những lựa chọn thay thế khác có thể hình dung được. Việc thúc đẩy tư tưởng này trong dân chúng là nhiệm vụ xã hội quan trọng của tầng lớp “trí thức.” Vì quần chúng không tự tạo ra các ý tưởng của riêng họ, hoặc thực sự suy nghĩ thấu đáo những ý tưởng đó một cách độc lập; họ thụ động đi theo những ý tưởng mà tầng lớp trí thức chấp nhận và truyền bá. Do đó, trí thức là “những người định hình ý kiến” trong xã hội. Và bởi vì chính việc định hình ý kiến là điều mà nhà nước cần nhất, nên cơ sở cho liên minh lâu đời giữa nhà nước và tầng lớp trí thức trở nên rõ ràng.

Rõ ràng là nhà nước cần trí thức; nhưng điều không rõ ràng là tại sao trí thức cần nhà nước. Đơn giản mà nói, chúng ta có thể khẳng định rằng sinh kế của trí thức trên thị trường tự do không bao giờ quá an toàn; bởi vì trí thức phải phụ thuộc vào các giá trị và sự lựa chọn của đám đông đồng bào, và đặc trưng chính xác của quần chúng là họ thường không quan tâm đến các vấn đề trí tuệ. Ngược lại, nhà nước sẵn sàng cung cấp cho trí thức một bến đỗ an toàn và lâu dài trong bộ máy nhà nước; và do đó, đảm bảo một nguồn thu nhập ổn định và sự uy tín. Trí thức sẽ được thưởng công hậu hĩnh vì chức năng quan trọng mà họ thực hiện cho những

người cai trị nhà nước, mà giờ đây họ đã trở thành một phần trong đó.¹¹

Liên minh giữa nhà nước và tầng lớp trí thức được biểu tượng hóa rõ rệt qua khát vọng tha thiết của các giáo sư tại Đại học Berlin vào thế kỷ XIX nhằm thành lập “đội cận vệ trí thức của Nhà Hohenzollern.” Ngày nay, chúng ta có thể lưu ý đến nhận xét sắc bén của một học giả Marxist nổi tiếng liên quan đến nghiên cứu phê phán của Giáo sư Wittfogel đối với chủ nghĩa chuyên chế phương Đông cổ đại: “Nền văn minh mà Giáo sư Wittfogel đang chỉ trích gay gắt chính là một nền văn minh có thể biến các nhà thơ và học giả thành những

¹¹ Điều này không có nghĩa rằng tất cả các trí thức đều liên minh với nhà nước. Về các khía cạnh của sự liên minh giữa trí thức và nhà nước, xem Bertrand de Jouvenel, “The Attitude of the Intellectuals to the Market Society,” *The Owl* (Tháng Một, 1951): 19-27; cùng tác giả, “The Treatment of Capitalism by Continental Intellectuals,” trong F.A. Hayek, biên tập, *Capitalism and the Historians* (Chicago: University of Chicago Press, 1954), tr. 93-123; tái bản trong George B. de Huszar, *The Intellectuals* (Glencoe, Ill.: The Free Press, 1960), tr. 385-99; và Schumpeter, *Imperialism and Social Classes* (New York: Meridian Books, 1975), tr. 143-55.

quan chức.”¹² Trong vô vàn ví dụ, ta có thể nhắc đến sự phát triển gần đây của “khoa học” chiến lược, phục vụ cho cánh tay vũ lực chính của chính phủ, đó là quân đội.¹³ Hơn nữa, một thể chế lâu đời là sử gia chính thức hay “triều đình”, chuyên truyền bá quan điểm của các nhà cầm quyền về hành động của chính họ và những người tiền nhiệm.¹⁴

¹² Joseph Needham, “Review of Karl A. Wittfogel, *Oriental Despotism*,” *Science and Society* (1958): 65: Needham cũng viết rằng “các hoàng đế [Trung Quốc] liên tục qua mọi thời đại đều được phục vụ bởi một đội ngũ học giả vô cùng nhân văn và không vụ lợi,” tr. 61. Wittfogel lưu ý về học thuyết của Khổng Tử rằng vinh quang của giai cấp thống trị được dựa vào các quan chức học giả-quan liêu quý tộc, những người được định sẵn để trở thành những nhà cai trị chuyên nghiệp đóng vai trò chỉ đạo đại chúng. Karl A. Wittfogel, *Oriental Despotism* (New Haven, Conn.: Yale University Press, 1957), tr. 320-21 và nhiều phần khác. Để so sánh với quan điểm của Needham, xem John Lukacs, “Intellectual Class or Intellectual Profession?” trong de Huszar, *The Intellectuals*, tr. 521-22.

¹³ Jeanne Ribs, “The War Plotters,” *Liberation* (Tháng Tám, 1961): 13: “[Các] chiến lược gia khẳng định rằng nghề của họ xứng đáng với ‘phẩm giá học thuật tương đương với nghề quân sự.’” Xem thêm Marcus Raskin, “The Megadeath Intellectuals,” *New York Review of Books* (14 tháng 11, 1963): 6-7.

¹⁴ Vì vậy, nhà sử học Conyers Read, trong bài phát biểu nhậm chức của mình, đã ủng hộ việc che giấu sự thật lịch sử để phục vụ các giá trị “dân chủ” và quốc gia. Read tuyên bố rằng “chiến tranh toàn diện, dù là nóng hay lạnh, đều huy động mọi người và kêu gọi mọi người đóng góp vai trò của mình. Nhà sử học không thoát khỏi nghĩa vụ này hơn nhà vật lý.” Read, “The Social Responsibilities of the Historian,” *American Historical Review* (1951): 283 trở đi. Để phê phán Read và các khía cạnh khác của lịch sử phục vụ quyền lực, xem Howard K. Beale, “The Professional Historian: His Theory and Practice,” *The Pacific Historical Review* (Tháng Tám, 1953): 227-55. Xem thêm Herbert Butterfield, “Official History: Its Pitfalls and Criteria,” *History and Human Relations* (New York: Macmillan, 1952), tr. 182-224; và Harry Elmer Barnes, *The Court Historians Versus Revisionism* (không đề năm), tr. 2 trở đi.

Những lý lẽ mà nhà nước và tầng lớp trí thức của nó sử dụng để thuyết phục thần dân ủng hộ sự cai trị của họ vô cùng phong phú và đa dạng. Về cơ bản, các lý lẽ này có thể được tóm tắt như sau: (a) những người cai trị nhà nước là những con người vĩ đại và thông thái (họ “cai trị nhờ quyền thiêng liêng,” họ là “tầng lớp ưu tú” của nhân loại, họ là “các chuyên gia khoa học”), vĩ đại và thông thái hơn hẳn so với những thần dân tốt bụng nhưng đơn giản; và (b) việc cai trị theo phạm vi của chính phủ là điều tất yếu, tuyệt đối cần thiết, và tốt hơn nhiều so với những điều ác khôn lường sẽ xảy ra nếu nó sụp đổ. Liên minh giữa nhà thờ và nhà nước là một trong những phương thức tư tưởng lâu đời và thành công nhất. Người cai trị hoặc được xúc dầu bởi Chúa, hoặc trong trường hợp của chế độ chuyên chế tuyệt đối ở nhiều nước phương Đông, chính là Chúa; do đó, bất kỳ sự kháng cự nào đối với sự cai trị của ông ta đều là báng bổ. Tầng lớp giáo sĩ của nhà nước thực hiện chức năng trí tuệ cơ bản là đảm bảo sự ủng hộ và thậm chí là sự tôn thờ của quần chúng đối với những người cai trị.¹⁵

Một phương thức thành công khác là gieo rắc nỗi sợ hãi về bất kỳ hệ thống cai trị hoặc phi cai trị thay thế nào. Người ta cho rằng những nhà cai trị hiện tại cung cấp

¹⁵ Xem Wittfogel, *Oriental Despotism*, tr. 87-100. Về vai trò tương phản của tôn giáo đối với nhà nước ở Trung Quốc và Nhật Bản cổ đại, xem Norman Jacobs, *The Origin of Modern Capitalism and Eastern Asia* (Hong Kong: Hong Kong University Press, 1958), tr. 161-94.

một dịch vụ thiết yếu cho công dân mà họ nên vô cùng biết ơn đó là bảo vệ họ chống lại những tên tội phạm và kẻ cướp lẻ tẻ. Để duy trì độc quyền về chiếm đoạt, nhà nước thực sự đã đảm bảo rằng tội phạm tư nhân và phi hệ thống được giảm thiểu đến mức tối đa; nhà nước luôn ghen tị với những quyền lực riêng của mình. Đặc biệt, trong các thế kỷ gần đây, nhà nước đã thành công trong việc gieo rắc nỗi sợ hãi đối với các nhà nước khác. Vì lãnh thổ trên toàn cầu đã được phân chia giữa các nhà nước cụ thể, nên một trong những học thuyết cơ bản của nhà nước là đồng nhất bản thân nó với lãnh thổ mà nó cai trị. Vì hầu hết mọi người có xu hướng yêu quê hương của mình, việc đồng nhất vùng đất và con người của nó với nhà nước trở thành phương tiện khiến lòng yêu nước tự nhiên phục vụ lợi ích của nhà nước. Nếu “Ruritania” bị “Waldavia” tấn công, thì nhiệm vụ đầu tiên của nhà nước và tầng lớp trí thức của nó là thuyết phục dân chúng Ruritania rằng cuộc tấn công thực sự nhằm vào họ chứ không chỉ nhằm vào giai cấp cầm quyền. Bằng cách này, một cuộc chiến giữa những nhà cai trị biến thành một cuộc chiến giữa các dân tộc, với mỗi dân tộc bảo vệ giai cấp cầm quyền của mình trong niềm tin sai lầm rằng các nhà cai trị đang bảo vệ họ. Phương thức “chủ nghĩa dân tộc” này chỉ thành công trong nền văn minh phương Tây trong các thế kỷ gần đây; không lâu trước đây, đa số thần dân vẫn coi các

cuộc chiến tranh là những trận chiến không liên quan giữa các nhóm quý tộc khác nhau.

Có rất nhiều vũ khí tư tưởng tinh vi mà nhà nước đã sử dụng qua các thế kỷ. Một vũ khí tuyệt vời đó là truyền thống. Nhà nước càng duy trì được sự cai trị của mình lâu dài, vũ khí này càng mạnh mẽ; bởi khi đó, triều đại X hoặc nhà nước Y sẽ mang trong mình sức nặng của hàng thế kỷ truyền thống.¹⁶ Sự tôn thờ tổ tiên, do đó, trở thành một phương tiện không quá tinh vi để thờ phụng những người cai trị cổ xưa của mình.

Mối nguy lớn nhất đối với nhà nước là sự chỉ trích độc lập của trí thức; và không có cách nào tốt hơn để dập tắt sự chỉ trích đó bằng cách tấn công bất kỳ tiếng nói đơn lẻ nào, bất kỳ người nào nêu lên những nghi ngờ mới, như một kẻ báng bổ trí tuệ của tổ tiên.

Một lực lượng tư tưởng mạnh mẽ khác là hạ thấp giá trị của cá nhân và tôn vinh giá trị của tập thể xã hội. Bởi vì bất kỳ một sự cai trị nào cũng cần sự chấp nhận của đa số, nên mọi nguy cơ tư tưởng đối với sự cai trị đó chỉ có

¹⁶ De Jouvenel, *On Power*, tr. 22: "Lý do cốt lõi cho sự tuân thủ là nó đã trở thành một thói quen của loài người... Quyền lực đối với chúng ta là một sự thật tự nhiên. Từ những ngày đầu tiên của lịch sử được ghi chép, nó luôn chi phối vận mệnh của con người... những chính quyền cai trị [xã hội] trong quá khứ không biến mất mà không để lại cho người kế nhiệm các đặc quyền của họ hay để lại trong tâm trí người dân những dấu ấn mang tính tích lũy trong tác động của chúng. Sự kế thừa của các chính phủ khi cai trị cùng một xã hội qua nhiều thế kỷ có thể được coi là một chính phủ nền tảng, liên tục tích lũy thêm quyền lực."

thể bắt nguồn từ một hoặc vài cá nhân có tư duy độc lập.

Ý tưởng mới, chưa nói đến ý tưởng phê phán mới, phải bắt đầu như một quan điểm của thiểu số nhỏ bé; do đó, nhà nước phải dập tắt quan điểm đó từ trong trứng nước bằng cách chế nhạo bất kỳ quan điểm nào thách thức ý kiến của đa số.

“Chỉ lắng nghe lời anh em mình” hoặc “hòa nhập với xã hội” do đó trở thành những vũ khí tư tưởng để nghiền nát sự bất đồng quan điểm cá nhân.¹⁷ Bằng những biện pháp như vậy, quần chúng sẽ không bao giờ nhận ra rằng hoàng đế của họ không mặc quần áo.¹⁸

Cũng quan trọng không kém là nhà nước phải làm cho sự cai trị của mình có vẻ như là điều tất yếu; ngay cả khi sự cai trị của nó bị ghét bỏ, thì khi đó nó vẫn sẽ được chấp nhận một cách thụ động, như khi chúng kiến sự kết hợp quen thuộc của “cái chết và thuế.”

¹⁷ Về việc sử dụng tôn giáo ở Trung Quốc, xem Norman Jacobs, nhiều phần khác.

¹⁸ H.L. Mencken, *A Mencken Chrestomathy* (New York: Knopf, 1949), tr. 145: “Tất cả những gì [chính phủ] có thể thấy trong một ý tưởng nguyên bản là sự thay đổi tiềm tàng, và do đó là sự xâm phạm các đặc quyền của nó. Người nguy hiểm nhất, đối với bất kỳ chính phủ nào, là người có thể tự mình suy nghĩ, không bị ràng buộc bởi những điều mê tín và cấm kỵ hiện hành. Gần như chắc chắn anh ta sẽ đi đến kết luận rằng chính phủ mà anh ta đang sống dưới quyền là không trung thực, điên rồ và không thể chịu đựng được, và vì vậy, nếu anh ta có tính lãng mạn, anh ta sẽ cố gắng thay đổi nó. Và ngay cả khi anh ta không lãng mạn, anh ta rất có khả năng lan truyền sự bất mãn trong số những người lãng mạn.”

Một phương pháp là thúc đẩy chủ nghĩa tất định lịch sử, trái ngược với tự do ý chí cá nhân. Nếu triều đại X cai trị chúng ta, đó là vì những Quy Luật Tất yếu Của Lịch Sử (hoặc Ý Chí Thần Linh, hoặc Đấng Tối Cao, hoặc Các Lực Lượng Sản Xuất Vật Chất) đã quy định như vậy, và không có bất kỳ cá nhân yếu đuối nào có thể thay đổi được quy định tất yếu này.

Một điểm quan trọng khác đối với nhà nước là gieo rắc vào thần dân sự ác cảm với bất kỳ “thuyết âm mưu nào về lịch sử”; vì tìm kiếm “âm mưu” đồng nghĩa với việc tìm kiếm động cơ và quy kết trách nhiệm cho những hành động sai trái trong lịch sử.

Tuy nhiên, nếu bất kỳ sự chuyên chế nào do nhà nước áp đặt, hoặc sự tham nhũng, hoặc chiến tranh xâm lược, không phải do các nhà cai trị nhà nước gây ra mà do những “lực lượng xã hội” bí ẩn và kỳ lạ, hoặc do trạng thái không hoàn hảo của thế giới, hoặc nếu theo cách nào đó, tất cả mọi người đều phải chịu trách nhiệm (“Chúng Ta Đều Là Kẻ Giết Người,” một khẩu hiệu tuyên bố), thì không có lý do gì để quần chúng trở nên phần nộ hoặc nổi dậy chống lại những hành động sai trái đó.

Hơn nữa, một cuộc tấn công vào “thuyết âm mưu” có nghĩa là thần dân sẽ trở nên cả tin hơn khi tin vào những lý do “vì lợi ích chung” mà nhà nước luôn đưa ra để biện minh cho bất kỳ hành động độc tài nào của mình. Một “thuyết âm mưu” có thể làm lung lay hệ

thống bằng cách khiến công chúng nghi ngờ về tuyên truyền tư tưởng của nhà nước.

Một phương pháp lâu đời và hiệu quả khác để khiến thần dân khuất phục ý chí của nhà nước là gây ra cảm giác tội lỗi. Bất kỳ sự gia tăng nào về thịnh vượng cá nhân đều có thể bị chỉ trích là “lòng tham vô độ,” “chủ nghĩa vật chất,” hoặc “sự giàu có quá mức”, việc kiếm lợi nhuận có thể bị chỉ trích là “bóc lột” và “cho vay nặng lãi,” những cuộc trao đổi đôi bên cùng có lợi bị lên án là “ích kỷ,” và bằng cách nào đó, kết luận luôn được đưa ra rằng nhiều nguồn lực hơn nên được chuyển từ khu vực tư nhân sang “khu vực công”. Cảm giác tội lỗi được tạo ra khiến công chúng sẵn sàng làm điều đó hơn. Trong khi các cá nhân có xu hướng đắm chìm trong “lòng tham ích kỷ,” việc các nhà cai trị nhà nước không tham gia vào sự trao đổi được cho là dấu hiệu của sự cống hiến cho những mục tiêu cao cả và cao quý hơn — sự chiếm đoạt ký sinh dường như cao cả hơn về mặt đạo đức và thẩm mỹ so với công việc hòa bình và hiệu quả.

Trong thời đại thế tục hơn hiện nay, quyền thiêng liêng của nhà nước đã được bổ sung bằng việc viện dẫn một vị thần mới là Khoa học. Quyền cai trị của nhà nước hiện nay được tuyên bố là siêu khoa học, là kế hoạch hóa bởi các chuyên gia. Nhưng trong khi “lý trí” được viện dẫn nhiều hơn so với các thế kỷ trước, thì đây không phải là lý trí thực sự của cá nhân và sự thực thi ý

chí tự do của anh ta; nó vẫn mang tính tập thể và tất định, vẫn ngụ ý các tổng thể toàn diện và sự thao túng cưỡng chế những thần dân thụ động bởi các nhà cai trị của họ.

Việc sử dụng ngày càng nhiều thuật ngữ khoa học đã cho phép các trí thức của nhà nước dệt nên những lời bào chữa mù quáng cho sự cai trị của nhà nước mà chỉ có thể bị chế nhạo bởi dân chúng trong một thời đại đơn giản hơn. Một tên cướp biện minh cho hành vi trộm cắp của mình bằng cách nói rằng thực ra hắn đã giúp đỡ nạn nhân của mình, vì việc chi tiêu của hắn thúc đẩy thương mại bán lẻ, sẽ khó mà tìm được người ủng hộ; nhưng khi lý thuyết này được che giấu trong các phương trình Keynes và những tham chiếu ẩn tượng đến “hiệu ứng số nhân,” đáng buồn thay, nó lại mang tính thuyết phục hơn. Và do đó, cuộc tấn công vào lễ thường vẫn tiếp diễn, mỗi thời đại thực hiện nhiệm vụ này theo cách riêng của mình.

Vì vậy, vì sự ủng hộ về mặt tư tưởng là điều rất quan trọng đối với nhà nước, nó phải không ngừng cố gắng gây ấn tượng với công chúng bằng “tính hợp pháp” của mình, để phân biệt các hoạt động của nó với những kẻ cướp đơn thuần. Quyết tâm không ngừng của nó trong việc tấn công vào lễ thường không phải là ngẫu nhiên, vì như Mencken đã mô tả một cách sinh động:

Một người bình thường, bất kể những sai lầm của anh ta, ít nhất cũng nhận ra rõ ràng rằng chính phủ là thứ nằm ngoài anh ta và nằm ngoài số đông những đồng bào của anh ta — rằng nó là một thế lực riêng biệt, độc lập và thù địch, chỉ phần nào nằm dưới sự kiểm soát của anh ta, và có khả năng gây ra nhiều tổn hại cho anh ta. Lẽ nào điều này lại không có ý nghĩa gì khi hành vi cướp của chính phủ ở mọi nơi lại được coi là một tội ác có mức độ nghiêm trọng thấp hơn so với việc cướp của một cá nhân, hoặc thậm chí là một tập đoàn?... Tôi tin rằng, điều ẩn sau tất cả những điều này là một cảm giác sâu sắc về sự đối kháng cơ bản giữa chính phủ và người dân mà nó cai trị. Nó không được hiểu như là một ủy ban của công dân được chọn để thực hiện công việc chung của toàn dân, mà là một tập đoàn riêng biệt và tự chủ, chủ yếu dành cho việc bóc lột dân chúng vì lợi ích của các thành viên của chính nó... Khi một công dân bị cướp, một người đàn ông đáng kính sẽ bị tước đoạt thành quả lao động và sự tiết kiệm của mình; khi chính phủ bị cướp, điều tồi tệ nhất xảy ra là một số kẻ lừa đảo và ăn bám sẽ có ít tiền để tiêu xài hơn trước. Ý niệm rằng họ đã kiếm được số tiền đó không bao giờ được chấp nhận; đối với hầu hết những người sáng suốt, điều đó sẽ có vẻ nực cười.¹⁹

¹⁹ Như trên, tr. 146-147.

Làm thế nào mà nhà nước vượt qua giới hạn của nó



Như Bertrand de Jouvenel đã tinh tế chỉ ra, qua nhiều thế kỷ, con người đã hình thành các khái niệm được thiết kế nhằm kiểm soát và giới hạn quyền lực của nhà nước; và, lần lượt từng khái niệm ấy, nhà nước, với sự hỗ trợ của các đồng minh trí thức, đã có thể biến đổi chúng thành những con dấu cao su về mặt trí tuệ, gắn mác hợp pháp và chính nghĩa cho các sắc lệnh và hành động của mình.

Ban đầu, ở Tây Âu, khái niệm về chủ quyền thần thánh quy định rằng các vị vua chỉ được cai trị theo luật thần linh; nhưng các vị vua đã biến khái niệm này thành con dấu thần thánh phê chuẩn cho bất kỳ hành động nào của họ. Khái niệm về nền dân chủ nghị viện bắt đầu như một công cụ của người dân nhằm kiểm soát quyền lực tuyệt đối của chế độ quân chủ, nhưng cuối cùng quốc hội lại trở thành bộ phận thiết yếu của nhà nước, và mọi hành động của nó được xem như tối cao. Như de Jouvenel kết luận:

Nhiều nhà lý thuyết về chủ quyền đã phát triển một trong những phương tiện hạn chế này... Tuy nhiên, cuối cùng, mỗi lý thuyết như vậy, sớm hay muộn, đều

mất đi mục đích ban đầu và trở thành một bàn đạp cho quyền lực, bằng cách cung cấp cho quyền lực sự hỗ trợ mạnh mẽ từ một chủ quyền vô hình mà qua đó quyền lực có thể dần dần tự nhận diện mình.²⁰

Tương tự đối với các học thuyết cụ thể hơn: “quyền tự nhiên” của cá nhân được ghi nhận trong lý thuyết của John Locke và Tuyên ngôn Nhân quyền, đã trở thành một “quyền có công ăn việc làm” theo nhà nước; chủ nghĩa vị lợi đã chuyển từ lập luận ủng hộ tự do sang lập luận chống lại việc phản kháng các sự xâm phạm tự do của nhà nước, v.v.

Chắc chắn nỗ lực tham vọng nhất trong việc đặt ra giới hạn đối với nhà nước là Tuyên ngôn Nhân quyền và các phần khác của Hiến pháp Mỹ, trong đó các giới hạn đối với chính phủ được ghi chép thành văn bản, trở thành luật cơ bản mà theo lý thuyết sẽ được giải thích bởi một hệ thống tư pháp độc lập với các nhánh khác của chính phủ. Tất cả người Mỹ đều quen thuộc với quá trình mà qua đó việc xây dựng các giới hạn trong Hiến pháp đã không ngừng được mở rộng trong suốt thế kỷ qua. Tuy nhiên, ít ai sắc sảo như Giáo sư Charles Black khi nhận thấy rằng trong quá trình này, nhà nước đã phần lớn biến việc kiểm tra tính hợp hiến của các quyết định chính phủ từ một công cụ nhằm hạn chế quyền lực thành một phương tiện khác nhằm cung cấp tính hợp

²⁰ De Jouvenel, *On Power*, tr. 27 trở đi.

pháp về mặt ý thức hệ cho các hành động của chính phủ. Bởi vì nếu một phán quyết tư pháp tuyên bố rằng một hành động là “vi hiến” là một sự kiểm soát mạnh mẽ đối với quyền lực của chính phủ, thì một phán quyết công khai hoặc ngầm định rằng hành động đó là “hợp hiến” lại là một vũ khí mạnh mẽ để thúc đẩy sự chấp nhận của công chúng đối với quyền lực ngày càng lớn của chính phủ.

Giáo sư Black bắt đầu phân tích của mình bằng cách chỉ ra sự cần thiết thiết yếu của “tính hợp pháp” đối với bất kỳ chính phủ nào muốn tồn tại, với tính hợp pháp này được hiểu là sự chấp nhận cơ bản của đa số đối với chính phủ và các hành động của nó.²¹ Sự chấp nhận tính hợp pháp trở thành một vấn đề đặc biệt ở những quốc gia như Hoa Kỳ, nơi mà “các giới hạn thực chất đã được xây dựng ngay trong lý thuyết nền tảng mà chính phủ dựa vào.” Điều mà Black cho rằng cần thiết là một cơ chế giúp chính phủ có thể đảm bảo với công chúng rằng quyền lực ngày càng gia tăng của nó thực sự là “hợp hiến.” Và ông kết luận rằng, chức năng lịch sử chủ yếu của việc kiểm tra tính hợp hiến chính là để thực hiện điều này.

Black minh họa vấn đề như sau:

²¹ Charles L. Black, Jr., *The People and the Court* (New York: Macmillan, 1960), tr. 35 trở đi.

Rủi ro lớn nhất đối với chính phủ là sự bất mãn và cảm giác phẫn nộ lan rộng trong toàn dân, cùng với sự mất đi quyền lực đạo đức của chính phủ, dù cho chính phủ có thể được duy trì lâu dài nhờ vào sức mạnh, sự ị ạch, hay sự thiếu vắng một sự thay thế hấp dẫn và có sẵn ngay lập tức.

Hầu như mọi người sống dưới một chính phủ có quyền lực giới hạn đều sẽ sớm hay muộn phải chịu đựng một số hành động của chính phủ mà theo quan điểm cá nhân của họ là vượt quá thẩm quyền của chính phủ hoặc đó là những điều chính phủ bị cấm làm.

Một người bị bắt nhập ngũ, mặc dù anh ta không tìm thấy điều khoản nào trong Hiến pháp về việc nhập ngũ... Một nông dân được thông báo về lượng lúa mì mà anh ta có thể trồng; anh ta tin tưởng, và phát hiện ra rằng một số luật sư uy tín cũng đồng tình với anh ta, rằng chính phủ không có quyền bảo anh ta phải trồng bao nhiêu lúa mì, cũng như không có quyền bảo con gái anh ta rằng cô có thể kết hôn với ai. Một người đàn ông bị đưa vào nhà tù liên bang vì nói những điều anh ta muốn, và khi bước đi trong xà lim của mình, anh ta lầm nhảm rằng “Quốc hội sẽ không ban hành luật nào hạn chế quyền tự do ngôn luận.”... Một doanh nhân bị yêu cầu đưa ra mức giá mà anh ta có thể, và phải, tính cho bơ sữa.

Mỗi nguy hiểm là đủ thực tế để mỗi người trong số những người này (và ai mà không thuộc nhóm của họ?) phải đối diện với khái niệm về giới hạn quyền lực của chính phủ; họ sẽ phải so sánh nó với thực tế (theo cách mà họ nhìn nhận) về sự vượt quá giới hạn một cách trắng trợn, để rồi họ sẽ phải rút ra kết luận hiển nhiên về tính hợp pháp của chính phủ họ.²²

Mỗi nguy hiểm này được tránh khỏi nhờ vào việc nhà nước đưa ra học thuyết rằng một cơ quan phải có quyền quyết định cuối cùng về tính hợp hiến, và cơ quan này, trong phân tích cuối cùng, phải là một phần của chính phủ liên bang.²³ Vì trong khi sự độc lập bề ngoài của ngành tư pháp liên bang đóng vai trò quan trọng trong việc khiến các hành động của nó gần như là “thánh chỉ” đối với phần lớn dân chúng, thì cũng đúng rằng ngành tư pháp là một phần không thể thiếu của bộ máy chính phủ và nó được bổ nhiệm bởi các nhánh hành pháp và lập pháp. Black thừa nhận rằng điều này có nghĩa là nhà nước đã tự đặt mình vào vị trí thẩm phán trong chính vụ việc của mình, do đó vi phạm nguyên tắc pháp lý cơ

²² Như trên, tr. 42-43.

²³ Như trên, tr. 52: Chức năng chính và cần thiết nhất của [Tòa án Tối cao] là xác nhận tính hợp pháp, chứ không phải là phủ quyết. Điều mà một chính phủ có quyền lực hạn chế cần, ngay từ đầu và suốt quá trình tồn tại, là một phương tiện để thuyết phục người dân rằng chính phủ đã thực hiện mọi bước đi có thể để duy trì trong phạm vi quyền lực của mình. Đây là điều kiện để chính phủ có tính hợp pháp, và tính hợp pháp của chính phủ, về lâu dài, là điều kiện để nó tồn tại. Và qua lịch sử của mình, Tòa án đã đóng vai trò như là sự hợp pháp hóa chính phủ.

bản là hướng tới các quyết định công bằng. Ông bác bỏ mạnh mẽ khả năng có bất kỳ sự thay thế nào.²⁴

Black bổ sung:

Vấn đề, do đó, là tìm ra các phương thức từ chính phủ để đưa ra quyết định với hi vọng sao cho có thể giảm đến mức tối thiểu sự phản đối rằng chính phủ là thẩm phán trong chính vụ án của mình. Sau khi làm được điều này, bạn chỉ có thể hy vọng rằng sự phản đối này, mặc dù về lý thuyết thì có thể vẫn còn, nhưng thực tế sẽ mất đi đủ sức mạnh để cho công việc hợp pháp hóa của cơ quan quyết định có thể được chấp nhận.²⁵

²⁴ Đối với Black, “giải pháp” này, mặc dù có vẻ nghịch lý, nhưng lại là điều hiển nhiên một cách nhẹ nhàng: quyền lực cuối cùng của Nhà nước... phải dừng lại ở nơi mà luật pháp ngừng lại. Và ai sẽ đặt ra giới hạn, và ai sẽ thực thi việc dừng lại đó, trước quyền lực mạnh mẽ nhất? À, chính là nhà nước, tất nhiên, thông qua các thẩm phán và luật pháp của nó. Ai kiểm soát những người có tính ôn hòa? Ai dạy dỗ những người khôn ngoan? (Như trên, tr. 32-33) Và: Khi câu hỏi liên quan đến quyền lực của chính phủ trong một quốc gia có chủ quyền, không thể chọn một trọng tài nằm ngoài chính phủ. Mỗi chính phủ quốc gia, miễn là nó còn là chính phủ, phải có quyền quyết định cuối cùng về quyền lực của chính mình. (Như trên., tr. 48-49)

²⁵ Như trên, tr. 49.

Cuối cùng, Black nhận thấy rằng việc đạt được công lý và tính hợp pháp từ việc nhà nước liên tục tự xét xử chính mình là “một điều gì đó kỳ diệu.”²⁶

Áp dụng luận điểm của mình vào cuộc xung đột nổi tiếng giữa Tòa án Tối cao và Chính sách Kinh tế Mới (New Deal), Giáo sư Black chỉ trích gay gắt các đồng nghiệp ủng hộ Chính sách Kinh tế Mới vì sự thiếu cặn của họ khi lên án sự cản trở tư pháp:

Phiên bản chuẩn của câu chuyện về Chính sách Kinh tế Mới và Tòa án, mặc dù đúng theo cách của nó, đã đặt sai trọng tâm... Nó tập trung vào những khó khăn; nó gần như quên mất cách mọi thứ đã diễn ra như thế nào. Điều cốt lõi của vấn đề (và đây là điều tôi muốn nhấn mạnh) là sau khoảng hai mươi bốn tháng phản kháng... Tòa án Tối cao, trong khi không có bất kỳ sự thay đổi nào trong luật về thành phần của nó, hay trong thành phần nhân sự thực tế của nó, đã đặt con dấu khẳng định tính hợp pháp lên Chính sách Kinh tế

²⁶ Việc gán cho chính phủ tính chất kỳ diệu này gợi nhớ đến cách biện minh cho chính phủ của James Burnham qua chủ nghĩa thần bí và phi lý: “Vào thời cổ đại, trước khi những ảo tưởng của khoa học làm suy yếu trí tuệ truyền thống, các nhà sáng lập các thành phố thường được cho là thần thánh hoặc á thần... Không thể giải thích nguồn gốc hay lý do của chính phủ bằng những lý lẽ hoàn toàn hợp lý... Tại sao tôi phải chấp nhận nguyên tắc hợp pháp kế thừa, dân chủ, hay bất kỳ nguyên tắc hợp pháp nào khác? Tại sao một nguyên tắc lại có thể biện minh cho việc một người cai trị tôi?... Tôi chấp nhận nguyên tắc đó, ừ, vì tôi chấp nhận, vì đó là cách nó tồn tại và đã luôn như vậy.” (James Burnham, *Congress and the American Tradition* (Chicago: Regnery, 1959), tr. 3-8). Nhưng nếu một người không chấp nhận nguyên tắc đó thì sao? Khi đó, “cách thức” sẽ ra sao?

Mới, và lên toàn bộ khái niệm mới về chính phủ ở Hoa Kỳ.²⁷

Bằng cách này, Tòa án Tối cao đã có thể dập tắt sự phản đối từ một bộ phận lớn người Mỹ vốn có những phản đối mạnh mẽ về mặt hiến pháp đối với Chính sách Kinh tế Mới:

Tất nhiên, không phải ai cũng hài lòng. “Hoàng tử Bonnie Charlie” của chủ nghĩa tự do kinh tế theo mệnh lệnh hiến pháp vẫn còn khuấy động trái tim của một vài tín đồ cuồng nhiệt ở những vùng cao nguyên đầy cáu giận và thiếu thực tế. Nhưng giờ đây không còn bất kỳ sự nghi ngờ đáng kể hay nguy hiểm nào trong công chúng về quyền lực hiến pháp của Quốc hội đối với việc điều chỉnh nền kinh tế quốc gia như nó đang làm nữa...

Chúng ta không có phương tiện nào khác ngoài Tòa án Tối cao để trao tính hợp pháp cho Chính sách Kinh tế Mới.²⁸

Như Black nhận thấy, một nhà học giả chính trị lớn đã nhận ra — và phần lớn là từ trước — lỗ hổng rõ ràng trong giới hạn về mặt hiến pháp đối với chính phủ khi trao quyền diễn giải tối thượng cho Tòa án Tối cao, đó chính là John C. Calhoun. Calhoun không hài lòng với

²⁷ Black, *The People and the Court*, tr. 64.

²⁸ Như trên, tr. 65.

cái gọi là “phép màu” này, mà thay vào đó đã tiến hành một phân tích sâu sắc về vấn đề hiến pháp. Trong tác phẩm *Disquisition*, Calhoun đã chứng minh xu hướng cố hữu của nhà nước trong việc phá vỡ các giới hạn của một hiến pháp như vậy:

Một hiến pháp bằng văn bản chắc chắn có nhiều lợi thế đáng kể, nhưng sẽ là một sai lầm lớn nếu cho rằng chỉ cần đưa vào các điều khoản để hạn chế và giới hạn quyền lực của chính phủ, mà không trao cho những người-được-bảo-vệ-bởi-các-điều-khoản-đó các phương tiện để đảm bảo chúng được tuân thủ, thì sẽ đủ để ngăn chặn đảng-cầm-quyền-lớn-và-đang-thống-trị lạm dụng quyền lực của mình.

Vì là đảng nắm quyền và từ mục đích của hiến pháp muốn một chính phủ có nhiệm vụ bảo vệ xã hội, họ sẽ ủng hộ các quyền lực mà hiến pháp trao cho họ và sẽ phản đối các hạn chế nhằm giới hạn các quyền lực đó. . . . Ngược lại, đảng yếu hơn hoặc nhỏ hơn sẽ đi theo hướng đối lập và coi các hạn chế đó là cần thiết để bảo vệ mình khỏi đảng thống trị. . . . Tuy nhiên, nếu không có bất kỳ phương tiện nào để ép buộc đảng lớn phải tuân thủ các hạn chế đó, phương án duy nhất mà họ có thể dựa vào sẽ là giải thích một cách nghiêm ngặt bản hiến pháp. . . .

Đảng lớn sẽ phản đối bằng cách ủng hộ một sự giải thích rộng rãi hơn. . . . Đây sẽ là cuộc đấu giữa hai

cách giải thích: một bên muốn thu hẹp quyền lực và bên kia muốn mở rộng quyền lực của chính phủ đến mức tối đa. Nhưng liệu cách giải thích chặt chẽ của đảng nhỏ có thể có tác dụng gì, khi đảng lớn có toàn bộ quyền lực của chính phủ để thực thi cách giải thích của mình, trong khi đảng nhỏ lại không có bất kỳ phương tiện nào để thực thi cách giải thích của mình? Trong một cuộc tranh đấu không công bằng như vậy, kết quả sẽ không có gì phải nghi ngờ. Đảng ủng hộ các hạn chế sẽ bị áp đảo. . . . Cuối cùng, kết quả của cuộc tranh đấu sẽ là sự sụp đổ của hiến pháp . . . các hạn chế sẽ bị hủy bỏ và chính phủ sẽ biến thành một chính phủ có quyền lực vô hạn.²⁹

Một trong những nhà khoa học chính trị hiếm hoi đánh giá cao phân tích của Calhoun về Hiến pháp là Giáo sư J. Allen Smith. Smith nhận xét rằng Hiến pháp được thiết kế với hệ thống kiểm tra và cân bằng để hạn chế quyền lực của bất kỳ cơ quan chính phủ nào, nhưng lại phát triển ra Tòa án Tối cao với độc quyền về quyền giải thích cuối cùng. Nếu Chính phủ Liên bang được tạo ra để ngăn chặn sự xâm phạm quyền tự do cá nhân bởi các bang riêng lẻ, vậy ai sẽ kiểm tra quyền lực của Chính phủ Liên bang? Smith cho rằng, ngầm hiểu trong ý tưởng kiểm tra và cân bằng của Hiến pháp là quan điểm

²⁹ John C. Calhoun, *A Disquisition on Government* (New York: Liberal Arts Press, 1953), tr. 25-27. Xem thêm Murray N. Rothbard, "Conservatism and Freedom: A Libertarian Comment," *Modern Age* (Mùa xuân, 1961): 219.

đi kèm rằng không một nhánh nào của chính phủ có thể được trao quyền giải thích cuối cùng: “Người dân đã giả định rằng chính phủ không thể được phép xác định giới hạn quyền lực của chính nó, vì điều này sẽ khiến chính phủ trở thành tối cao, chứ không phải là Hiến pháp.”³⁰

Giải pháp mà Calhoun đưa ra (và sau này được các tác giả như Smith ủng hộ trong thế kỷ này) chính là học thuyết nổi tiếng về “đa số đồng thời”. Nếu một nhóm thiểu số quan trọng trong nước, cụ thể là một chính phủ bang, cho rằng Chính phủ Liên bang đã vượt quá quyền hạn của mình và xâm phạm quyền lợi của nhóm thiểu số đó, thì nhóm thiểu số này có quyền phủ quyết việc thực thi quyền lực đó, coi đó là vi hiến. Khi áp dụng vào các chính phủ bang, lý thuyết này ngụ ý quyền “hủy bỏ” một đạo luật hoặc phán quyết của Liên bang trong phạm vi quyền tài phán của bang đó.

Về lý thuyết, hệ thống hiến pháp mà Calhoun đề xuất sẽ đảm bảo rằng Chính phủ Liên bang có thể kiểm soát sự xâm phạm quyền cá nhân của các bang, trong khi các bang sẽ kiểm tra quyền lực quá mức của Chính phủ Liên

³⁰ J. Allen Smith, *The Growth and Decadence of Constitutional Government* (New York: Henry Holt, 1930), tr. 88. Smith bổ sung: rõ ràng rằng khi một điều khoản của Hiến pháp được thiết kế để hạn chế quyền lực của một cơ quan chính phủ, thì nó có thể bị vô hiệu hóa nếu việc diễn giải và thực thi điều khoản đó được giao cho chính các cơ quan mà nó có mục đích kèm chế. Rõ ràng, lẽ thường yêu cầu rằng không một cơ quan nào của chính phủ được phép tự mình xác định quyền lực của chính nó. Rõ ràng, lẽ thường và ‘điều kỳ diệu’ chỉ ra các quan điểm rất khác nhau về chính phủ” (tr. 87).

bang đối với cá nhân. Tuy nhiên, mặc dù những hạn chế này chắc chắn sẽ hiệu quả hơn hiện nay, giải pháp của Calhoun vẫn chứa đựng nhiều khó khăn và vấn đề. Nếu quả thật một lợi ích phụ thuộc có quyền phủ quyết đối với những vấn đề liên quan đến nó, thì tại sao chỉ dừng lại ở các bang? Tại sao không trao quyền phủ quyết cho các quận, thành phố, khu vực? Hơn nữa, các lợi ích không chỉ mang tính khu vực mà còn có tính nghề nghiệp, xã hội, v.v. Vậy thì các thợ làm bánh, tài xế taxi hay bất kỳ nhóm nghề nghiệp nào khác thì sao? Liệu họ có nên được phép có quyền phủ quyết đối với cuộc sống của chính mình không? Điều này dẫn đến một điểm quan trọng: lý thuyết hủy bỏ của Calhoun chỉ giới hạn việc kiểm tra quyền lực trong các cơ quan chính phủ. Đừng quên rằng chính phủ liên bang và chính phủ các bang, cùng với các nhánh của chúng, vẫn là các thực thể nhà nước, và vẫn bị chi phối bởi lợi ích của chính các bang đó, thay vì lợi ích của công dân cá nhân. Vậy điều gì ngăn cản hệ thống của Calhoun hoạt động theo chiều ngược lại, với các bang áp bức công dân của mình và chỉ phủ quyết Chính phủ Liên bang khi nó cố gắng can thiệp để chấm dứt sự áp bức đó? Hoặc các bang sẽ đồng thuận với sự áp bức của Chính phủ Liên bang? Điều gì ngăn cản các chính phủ liên bang và bang hình thành các liên minh có lợi cho cả hai bên để khai thác công dân? Và ngay cả khi các nhóm nghề nghiệp tư nhân được trao một hình thức đại diện “chức năng” trong

chính phủ, điều gì ngăn cản họ sử dụng nhà nước để giành các trợ cấp và đặc quyền cho chính mình, hoặc áp đặt các liên minh độc quyền bắt buộc lên các thành viên của mình?

Tóm lại, Calhoun không phát triển đầy đủ lý thuyết đột phá của mình về sự đồng thuận: ông không mở rộng nó đến mức áp dụng cho chính cá nhân. Nếu cuối cùng chính cá nhân là người có quyền được bảo vệ, thì một lý thuyết đồng thuận nhất quán sẽ đòi hỏi quyền phủ quyết của từng cá nhân; tức là một hình thức “nguyên tắc nhất trí”. Khi Calhoun viết rằng “không thể đưa vào hoặc duy trì hoạt động [chính phủ] mà không có sự đồng thuận đồng thời của tất cả,” có lẽ ông đã vô tình ngụ ý kết luận như vậy.³¹ Tuy nhiên, suy luận này bắt đầu đưa chúng ta ra ngoài phạm vi của chủ đề, vì con đường này sẽ dẫn đến những hệ thống chính trị mà khó có thể gọi là “nhà nước”.³² Một lý do là, cũng giống như quyền hủy bỏ của một bang về mặt lý thuyết ngụ ý

³¹ Calhoun, *A Disquisition on Government*, tr. 20-21.

³² Trong những năm gần đây, nguyên tắc nhất trí đã được hồi sinh một cách khá nhạt nhòa, đặc biệt là trong các tác phẩm của Giáo sư James Buchanan. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc nhất trí vào tình hình hiện tại, và chỉ áp dụng nó cho những thay đổi trong trạng thái hiện tại mà không áp dụng cho các luật hiện hành, chỉ có thể dẫn đến một sự chuyển hóa khác của khái-niệm-hạn-chế thành một công-cụ-hợp-pháp cho nhà nước. Nếu nguyên tắc nhất trí chỉ được áp dụng đối với những thay đổi trong các luật lệ và sắc lệnh, thì bản chất của “điểm khởi đầu” ban đầu sẽ tạo nên sự khác biệt quyết định. Xem thêm James Buchanan và Gordon Tullock, *The Calculus of Consent* (Ann Arbor: University of Michigan Press, 1962), nhiều phần khác.

quyền tách ra khỏi Liên bang, thì quyền hủy bỏ của cá nhân cũng sẽ ngụ ý quyền của bất kỳ cá nhân nào được “rút lui” khỏi nhà nước mà họ đang sống dưới đó.³³

Vì vậy, nhà nước luôn tỏ ra có một khả năng đặc biệt trong việc mở rộng quyền lực của mình vượt ra ngoài mọi giới hạn có thể được áp đặt. Vì nhà nước phải sống bằng việc cưỡng chế tịch thu vốn tư nhân, và vì sự mở rộng của nó luôn đi kèm với những xâm phạm ngày càng sâu vào quyền lợi của cá nhân và doanh nghiệp tư nhân, chúng ta phải khẳng định rằng nhà nước về bản chất là phản động với chủ nghĩa tư bản. Theo một nghĩa nào đó, quan điểm của chúng ta ngược lại với tuyên bố của chủ nghĩa Marx rằng nhà nước là “ủy ban hành pháp” của giai cấp thống trị hiện nay, tức là giai cấp tư sản. Thay vào đó, nhà nước — tổ chức của các phương tiện chính trị — chính là cấu thành và nguồn gốc của “giai cấp thống trị” (thực tế là một đảng cấp thống trị), và luôn ở trong trạng thái đối lập với vốn tư nhân chân chính. Do đó, chúng ta có thể nói như de Jouvenel đã nói:

Chỉ những ai không biết gì về các thời kỳ khác ngoài thời đại của chính mình, những người hoàn toàn mù mờ về cách thức quyền lực vận hành qua hàng nghìn năm, mới coi những hành động này [quốc hữu hóa,

³³ Xem Herbert Spencer, “The Right to Ignore the State,” trong *Social Statics* (New York: D. Appleton, 1890), tr. 229-39.

thuế thu nhập, v.v.] là kết quả của một hệ tư tưởng đặc biệt. Thực tế, chúng là những biểu hiện bình thường của quyền lực, và về bản chất, không khác gì việc Henry VIII tịch thu các tu viện. Cùng một nguyên lý đang hoạt động: khát khao quyền lực, cơn khát tài nguyên; và trong tất cả những hành động này, các đặc điểm giống nhau luôn hiện diện, bao gồm việc nhanh chóng nâng đỡ những kẻ chia phần chiến lợi phẩm. Dù là chủ nghĩa xã hội hay không, quyền lực luôn phải đối đầu với các thế lực tư bản và tước đoạt từ các nhà tư bản tài sản mà họ đã tích lũy được; khi làm vậy, quyền lực tuân theo quy luật tự nhiên của chính nó.³⁴

³⁴ De Jouvenel, *On Power*, tr. 171.

Điều mà nhà nước sợ hãi



Điều mà nhà nước sợ hãi nhất, tất nhiên, là bất kỳ mối đe dọa cơ bản nào đối với quyền lực và sự tồn tại của chính nó. Sự sụp đổ của một nhà nước có thể xảy ra theo hai cách chính: (a) bị một nhà nước khác xâm chiếm, hoặc (b) bị chính những công dân của mình lật đổ qua một cuộc cách mạng — tóm lại là qua chiến tranh hoặc cách mạng. Chiến tranh và cách mạng, với tư cách là hai mối đe dọa chính, sẽ luôn buộc những người lãnh đạo nhà nước phải dốc toàn lực và tăng cường tuyên truyền với dân chúng. Như đã nói ở trên, bất cứ giá nào nhà nước cũng phải huy động người dân để bảo vệ chính nó, với niềm tin rằng họ đang bảo vệ chính bản thân mình. Nguy hiểm của ý tưởng này trở nên rõ ràng khi nghĩa vụ quân sự được áp dụng đối với những người từ chối “bảo vệ” bản thân và vì vậy bị ép buộc phải gia nhập quân đội của nhà nước: không cần phải nói thêm, họ không được phép “bảo vệ” mình trước hành động này của chính nhà nước.

Trong chiến tranh, quyền lực của nhà nước đạt đến mức cao nhất, và dưới khẩu hiệu “phòng thủ” và “tình trạng khẩn cấp,” nhà nước có thể áp đặt một chế độ chuyên chế lên công chúng, điều mà trong thời bình có thể bị phản đối mạnh mẽ. Chiến tranh do đó mang lại nhiều

lợi ích cho nhà nước, và thực tế, mỗi cuộc chiến tranh hiện đại đều để lại cho các dân tộc tham chiến một di sản vĩnh viễn là gánh nặng nhà nước gia tăng đối với xã hội. Hơn nữa, chiến tranh còn mang đến cho nhà nước cơ hội hấp dẫn để xâm chiếm những vùng đất mà ở đó nó có thể thực thi độc quyền vũ lực. Randolph Bourne chắc chắn đúng khi nói rằng “chiến tranh là sức khỏe của nhà nước,” nhưng đối với bất kỳ nhà nước cụ thể, chiến tranh có thể mang lại sức khỏe hoặc gây ra tổn hại nghiêm trọng.³⁵

Chúng ta có thể kiểm tra giả thuyết rằng nhà nước chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ chính nó thay vì bảo vệ công dân của mình bằng cách đặt câu hỏi: nhà nước theo đuổi và trừng phạt loại tội phạm nào một cách nghiêm khắc nhất — những tội phạm chống lại công dân hay những tội phạm chống lại chính nhà nước? Những tội phạm nghiêm trọng nhất trong hệ thống pháp lý của nhà nước gần như luôn là những mối đe dọa đối với chính quyền, ví dụ như phản quốc, đào ngũ và gia nhập

³⁵ Chúng ta đã thấy rằng sự ủng hộ của giới trí thức là yếu tố quan trọng đối với nhà nước, và điều này bao gồm cả sự ủng hộ chống lại hai mối đe dọa lớn mà nhà nước phải đối mặt. Vì vậy, về vai trò của các trí thức Mỹ trong việc nước Mỹ tham gia vào Chiến tranh Thế giới thứ I, có thể tham khảo bài viết của Randolph Bourne, *The War and the Intellectuals*, trong *The History of a Literary Radical and Other Papers* (New York: S.A. Russell, 1956), trang 205-22. Như Bourne đã chỉ ra, một chiến thuật phổ biến của các trí thức trong việc giành sự ủng hộ cho các hành động của nhà nước là hướng mọi cuộc thảo luận vào trong khuôn khổ của chính sách cơ bản của nhà nước, đồng thời ngăn chặn bất kỳ sự chỉ trích căn bản hay toàn diện nào đối với khuôn khổ này.

quân đội của kẻ thù, không đăng ký nghĩa vụ quân sự, âm mưu lật đổ, ám sát các nhà lãnh đạo, hay các tội phạm kinh tế chống lại nhà nước như làm giả tiền hay trốn thuế thu nhập. Hoặc bạn có thể so sánh mức độ quyết liệt mà nhà nước dành cho việc truy tìm kẻ tấn công một cảnh sát so với sự chú ý mà nó dành cho trong một vụ tấn công một công dân bình thường. Tuy nhiên, điều kỳ lạ là sự ưu tiên công khai của nhà nước trong việc tự bảo vệ mình khỏi công chúng lại ít khi được coi là mâu thuẫn với lý do tồn tại của nhà nước.³⁶

³⁶ Như Mencken đã diễn đạt theo phong cách đặc trưng của ông: Bằng nhóm này (“những kẻ lợi dụng, tạo thành chính phủ”) gần như miễn nhiễm với hình phạt. Những cuộc tổng tiền tội tệ nhất của họ, ngay cả khi rõ ràng nhằm thu lợi cá nhân, cũng không phải chịu bất kỳ hình phạt nào theo luật pháp của chúng ta. Kể từ những ngày đầu của nền Cộng hòa, chỉ có chưa đầy vài chục người trong số họ bị luận tội, và chỉ một vài kẻ cấp dưới vô danh mới từng bị bỏ tù. Số người bị giam giữ tại Atlanta và Leavenworth vì phản kháng lại sự bóc lột của chính phủ luôn gấp mười lần số quan chức chính phủ bị kết án vì áp bức người nộp thuế để thu lợi cho bản thân. (Mencken, *A Mencken Chrestomathy*, trang 147-48). Để có một mô tả sinh động và đầy ấn tượng về sự thiếu bảo vệ cho cá nhân trước sự xâm phạm quyền tự do của các “người bảo vệ” của họ, hãy tham khảo H.L. Mencken, *The Nature of Liberty*, trong *Prejudices: A Selection* (New York: Vintage Books, 1958), trang 138-43.

Cách các quốc gia liên hệ với nhau



Vì diện tích lãnh thổ của trái đất được phân chia giữa các quốc gia, các mối quan hệ giữa các quốc gia sẽ chiếm phần lớn thời gian và năng lượng của mỗi quốc gia. Xu hướng tự nhiên của mỗi quốc gia là mở rộng quyền lực, và sự mở rộng này ở phạm vi quốc tế thường diễn ra qua việc chinh phục lãnh thổ. Trừ khi một lãnh thổ là vô chủ hoặc không có người ở, bất kỳ sự mở rộng nào cũng sẽ dẫn đến xung đột lợi ích giữa các nhóm cai trị của các quốc gia khác nhau. Chỉ có một nhóm cai trị có thể nắm độc quyền cưỡng chế đối với một khu vực lãnh thổ vào bất kỳ thời điểm nào: quyền kiểm soát tuyệt đối của quốc gia X đối với một lãnh thổ chỉ có thể đạt được thông qua việc đẩy quốc gia Y ra ngoài. Chiến tranh, mặc dù đầy rủi ro, luôn là một xu hướng tiềm ẩn trong quan hệ giữa các quốc gia, vốn được phân chia thành các giai đoạn hòa bình, cũng như các liên minh và liên kết luôn thay đổi giữa các quốc gia.

Chúng ta đã thấy rằng nỗ lực “nội bộ” hay “trong nước” nhằm giới hạn quyền lực của nhà nước trong các thế kỷ XVII đến XIX đạt được hình thức rõ nét nhất là chủ nghĩa hiến pháp. Ở khía cạnh “ngoại bộ” hay “đối

ngoại,” đối trọng của nó là sự phát triển của “luật quốc tế,” đặc biệt là các hình thức như “luật chiến tranh” và “quyền lợi của các quốc gia trung lập.”³⁷ Một phần của luật quốc tế ban đầu mang tính chất hoàn toàn tư nhân, phát sinh từ nhu cầu của các thương nhân và nhà buôn trong việc bảo vệ tài sản và giải quyết tranh chấp. Ví dụ có thể kể đến là luật hàng hải và luật thương mại. Tuy nhiên, ngay cả các quy định của chính phủ cũng ra đời một cách tự nguyện và không bị áp đặt bởi bất kỳ một siêu quốc gia nào. Mục đích của “luật chiến tranh” là giới hạn sự tàn phá giữa các quốc gia, chỉ nhắm vào bộ máy nhà nước, qua đó bảo vệ công dân “dân sự” vô tội khỏi sự tàn sát và hủy diệt do chiến tranh gây ra. Mục đích của việc phát triển quyền lợi của các quốc gia trung lập là bảo vệ thương mại quốc tế của các công dân dân sự, ngay cả với các quốc gia “thù địch,” khỏi bị chiếm đoạt bởi một trong các bên tham chiến. Mục tiêu tối thượng là giới hạn phạm vi của mỗi cuộc chiến tranh, đặc biệt là để hạn chế mức độ tàn phá đối với công dân tư nhân của cả các quốc gia trung lập lẫn các quốc gia tham chiến.

Nhà luật học F.J.P. Veale đã mô tả một cách duyên dáng về “chiến tranh văn minh” khi nó từng nở rộ một thời gian ngắn ở Ý vào thế kỷ XV như sau:

³⁷ Điều này cần được phân biệt với luật pháp quốc tế hiện đại, với sự nhấn mạnh vào việc mở rộng phạm vi chiến tranh thông qua các khái niệm như “an ninh tập thể.”

Các thương gia và tầng lớp quý tộc giàu có ở Ý thời trung cổ quá bận rộn kiếm tiền và tận hưởng cuộc sống đến mức không thể tự mình trải qua những khó khăn và nguy hiểm của việc làm lính. Vì vậy, họ đã áp dụng phương pháp thuê lính đánh thuê để chiến đấu thay cho mình, và với tính cách tiết kiệm, thực dụng, họ thường sa thải các lính đánh thuê ngay khi không còn cần đến họ nữa. Do đó, chiến tranh được tiến hành bởi các đội quân thuê mướn cho mỗi chiến dịch... Lần đầu tiên, nghề lính trở thành một nghề hợp lý và tương đối ít nguy hiểm. Các tướng lĩnh thời kỳ đó thường đối đầu với nhau, đôi khi với kỹ năng xuất sắc, nhưng khi một người chiếm được lợi thế, đối thủ của họ thường sẽ rút lui hoặc đầu hàng. Có một quy tắc được công nhận rằng một thành phố chỉ có thể bị cướp bóc nếu nó kháng cự: sự miễn trừ có thể được mua bằng cách trả tiền chuộc... Một hệ quả tự nhiên là không thành phố nào kháng cự, vì rõ ràng rằng một chính phủ quá yếu để bảo vệ công dân của mình đã đánh mất sự trung thành của họ. Người dân thường không phải lo lắng về

những nguy hiểm của chiến tranh, vì đó là mối quan tâm của những người lính chuyên nghiệp.³⁸

Sự tách biệt gần như tuyệt đối giữa công dân tư nhân và các cuộc chiến tranh của nhà nước ở châu Âu thế kỷ 18 được Nef nhấn mạnh:

Ngay cả các liên lạc bưu chính cũng không bị hạn chế lâu dài trong thời gian chiến tranh. Những bức thư được lưu thông mà không có sự kiểm duyệt, với một mức độ tự do mà người ta khó lòng tưởng tượng được trong thế kỷ XX... Công dân của hai quốc gia đối địch vẫn trò chuyện với nhau khi gặp mặt, và khi không thể gặp, họ trao đổi thư từ, không phải như kẻ thù mà như những người bạn. Khái niệm hiện đại rằng... công dân của bất kỳ quốc gia thù địch nào cũng phải chịu một phần trách nhiệm đối với các hành động chiến tranh của các nhà cầm quyền của mình hầu như không tồn tại. Các nhà cầm quyền của các quốc gia đối địch cũng

³⁸ F.J.P. Veale, *Advance to Barbarism* (Appleton, Wis.: C.C. Nelson, 1953), tr. 63. Tương tự, Giáo sư Nef viết về cuộc Chiến tranh Don Carlos diễn ra ở Ý giữa Pháp, Tây Ban Nha và Sardinia chống lại Áo vào thế kỷ 18: tại cuộc vây hãm Milan bởi liên quân và vài tuần sau đó tại Parma... các đội quân đối địch đã gặp nhau trong một trận chiến ác liệt bên ngoài thành phố. Ở cả hai nơi, cảm tình của cư dân không bị lay chuyển nghiêm trọng bởi phe nào. Nỗi sợ duy nhất của họ là quân đội của bất kỳ phe nào cũng có thể xâm nhập vào trong thành và cướp bóc. Tuy nhiên, nỗi sợ này đã không trở thành hiện thực. Tại Parma, người dân chạy lên tường thành để xem trận chiến ngoài đồng quê phía xa. (John U. Nef, *War and Human Progress* [Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1950], tr. 158. Cũng xem thêm Hoffman Nickerson, *Can We Limit War?* [New York: Frederick A. Stokes, 1934])

không có thái độ kiên quyết ngừng liên lạc với các công dân của kẻ thù.

Những thực hành thâm vấn cổ xưa liên quan đến gián điệp trong vấn đề tôn giáo đang dần biến mất, và không có bất kỳ cuộc thâm vấn nào tương tự liên quan đến các giao tiếp chính trị hay kinh tế được xem xét. Hộ chiếu ban đầu được tạo ra để bảo đảm sự an toàn trong thời chiến. Trong phần lớn thế kỷ XVIII, người châu Âu hiếm khi nghĩ đến việc phải huỷ bỏ các chuyến đi đến các quốc gia nước ngoài chỉ vì quốc gia họ đang tham chiến ở đây.³⁹

Và thương mại ngày càng được công nhận là có lợi cho cả hai bên; chiến tranh thế kỷ 18 cũng làm giảm đáng kể tình trạng “thương mại với kẻ thù.”⁴⁰

Mức độ mà các quốc gia đã vượt qua các quy tắc của chiến tranh văn minh trong thế kỷ này không cần phải bàn cãi thêm ở đây. Trong kỷ nguyên chiến tranh tổng lực hiện đại, cộng với công nghệ hủy diệt hoàn toàn, ngay cả khái niệm chiến tranh giới hạn chỉ trong các cơ quan nhà nước cũng trở nên lạc hậu và lỗi thời hơn cả bản Hiến pháp ban đầu của Hoa Kỳ.

³⁹ Nef, *War and Human Progress*, tr. 162.

⁴⁰ Như trên, tr. 161. Về việc ủng hộ thương mại với kẻ thù của các lãnh đạo Cách mạng Mỹ, xem Joseph Dorfman, *The Economic Mind in American Civilization* (New York: Viking Press, 1946), tập 1, tr. 210-211.

Khi các quốc gia không đang trong chiến tranh, các thỏa thuận thường là cần thiết để giảm thiểu căng thẳng đến mức thấp nhất. Một học thuyết đã được chấp nhận rộng rãi một cách kỳ lạ là cái gọi là “thánh thiêng của các hiệp ước.”

Khái niệm này thường được coi là tương đương với “thánh thiêng của hợp đồng.” Tuy nhiên, hiệp ước và hợp đồng thực sự không có gì chung. Một hợp đồng, rõ ràng, chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản tư nhân. Vì một chính phủ không “sở hữu” lãnh thổ của mình theo nghĩa chính xác, nên bất kỳ thỏa thuận nào mà nó ký kết cũng không chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản.

Ví dụ, nếu ông Jones bán hoặc cho ông Smith một mảnh đất, người thừa kế của Jones sẽ không thể hợp pháp đến và yêu cầu người thừa kế của Smith trả lại mảnh đất như một quyền hợp pháp của mình.

Quyền sở hữu đã được chuyển nhượng. Hợp đồng của ông Jones cũ tự động ràng buộc ông Jones trẻ, bởi vì người trước đã chuyển nhượng tài sản; do đó, ông Jones trẻ không có quyền yêu cầu tài sản đó.

Ông Jones trẻ chỉ có thể yêu cầu những gì mình thừa kế từ ông Jones cũ, và ông Jones cũ chỉ có thể để lại tài sản mà ông vẫn còn sở hữu.

Nhưng nếu vào một thời điểm nhất định, chính phủ của Ruritania bị ép buộc hoặc thậm chí bị hối lộ bởi chính

phủ Waldavia để nhượng lại một phần lãnh thổ của mình, thì thật vô lý khi nói rằng các chính phủ hoặc người dân của hai quốc gia đó sẽ mãi mãi bị ngăn cản không được yêu cầu tái thống nhất Ruritania dựa trên lý thuyết “thánh thiêng của hiệp ước.”

Cả người dân lẫn lãnh thổ của khu vực Tây Bắc Ruritania đều không thuộc quyền sở hữu của hai chính phủ đó. Do đó, một chính phủ chắc chắn không thể ràng buộc một chính phủ cai quản sau này bằng một hiệp ước — điều mà người ta thường gọi là ràng buộc bằng “bàn tay đã chết” của quá khứ bởi kẻ cầm quyền trước đây đã không còn.

Một chính phủ cách mạng lật đổ vua của Ruritania cũng không thể bị buộc phải chịu trách nhiệm về hành động hay các khoản nợ của vua, vì một chính phủ không phải như một đứa trẻ và vì vậy nó không phải là “người thừa kế” thực sự tài sản của chính quyền tiền nhiệm.

Lịch sử như là một cuộc đua giữa quyền lực nhà nước và quyền lực xã hội



Cũng giống như hai mối quan hệ cơ bản và đối lập giữa con người là hợp tác hòa bình hoặc bóc lột cưỡng chế, sản xuất hoặc săn mồi, lịch sử loài người, đặc biệt là lịch sử kinh tế, có thể được xem như là một cuộc đấu tranh giữa hai nguyên lý này. Một mặt là sản xuất sáng tạo, trao đổi và hợp tác hòa bình; mặt khác là sự áp đặt cưỡng chế và bóc lột các quan hệ xã hội đó. Albert Jay Nock đã đặt tên cho hai lực lượng đối kháng này là: “quyền lực xã hội” và “quyền lực nhà nước.”⁴¹ Quyền lực xã hội là quyền lực của con người đối với thiên nhiên, là sự hợp tác để biến đổi tài nguyên thiên nhiên và nhận thức về các quy luật tự nhiên, nhằm mang lại lợi ích cho tất cả các cá nhân tham gia. Quyền lực xã hội là quyền lực đối với thiên nhiên, là mức sống mà con người đạt được thông qua trao đổi lẫn nhau. Trong khi đó, quyền lực nhà nước, như chúng ta đã thấy, là sự chiếm đoạt cưỡng chế và ký sinh trên sản phẩm lao động xã hội —

⁴¹ Về các khái niệm quyền lực nhà nước và quyền lực xã hội, xem Albert J. Nock, *Our Enemy the State* (Caldwell, Idaho: Caxton Printers, 1946). Cũng có thể tham khảo Nock, *Memoirs of a Superfluous Man* (New York: Harpers, 1943), và Frank Chodorov, *The Rise and Fall of Society* (New York: Devin-Adair, 1959).

một sự rút cạn trái ngọt của xã hội để phục vụ lợi ích của những người cai trị không sản xuất (thực tế là chống lại sản xuất). Nếu quyền lực xã hội là quyền lực đối với thiên nhiên, thì quyền lực nhà nước là quyền lực đối với con người.

Qua lịch sử, lực lượng sản xuất và sáng tạo của con người đã không ngừng tìm ra những cách thức mới để biến đổi thiên nhiên vì lợi ích của con người. Đó là những thời điểm mà quyền lực xã hội vượt lên trước quyền lực nhà nước, và mức độ can thiệp của nhà nước vào xã hội đã giảm đi rõ rệt. Tuy nhiên, sau một khoảng thời gian ngắn hay dài, nhà nước lại xâm nhập vào những lĩnh vực này, tước đoạt và làm suy yếu quyền lực xã hội một lần nữa.⁴² Nếu từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 là thời kỳ mà quyền lực xã hội phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia phương Tây, kéo theo sự gia tăng tự do, hòa bình và phúc lợi vật chất, thì thế kỷ 20 lại chủ yếu là thời kỳ quyền lực nhà nước đuổi kịp — dẫn đến sự quay lại của nô lệ, chiến tranh và tàn phá.⁴³

⁴² Trong dòng chảy không ngừng của sự mở rộng và thu hẹp, nhà nước luôn đảm bảo chiếm giữ và duy trì những “vị trí chỉ huy” then chốt trong nền kinh tế và xã hội. Những vị trí này bao gồm: độc quyền bạo lực, độc quyền quyền lực tư pháp tối cao, các kênh giao thông và vận tải (bưu điện, đường bộ, sông ngòi, đường hàng không), nước tưới ở các chế độ chuyên chế phương Đông, và giáo dục – để định hình tư tưởng của những công dân tương lai. Trong nền kinh tế hiện đại, tiền tệ chính là vị trí chỉ huy quan trọng nhất.

⁴³ Quá trình “đuổi kịp” ký sinh này gần như đã được Karl Marx công khai thừa nhận, khi ông cho rằng chủ nghĩa xã hội phải được xây dựng thông qua việc chiếm đoạt số vốn đã được tích lũy dưới chế độ tư bản.

Trong thế kỷ này, nhân loại lại đối mặt với sự thống trị tàn bạo của nhà nước — nhà nước giờ đây đã được trang bị những thành quả sáng tạo của con người, vốn bị tước đoạt và bóp méo để phục vụ cho mục đích của chính nó. Những thế kỷ trước là thời kỳ con người cố gắng đặt ra các giới hạn hiến pháp và các hạn chế khác đối với nhà nước, nhưng những nỗ lực này, như tất cả các cố gắng khác, đều thất bại. Trong tất cả các hình thức chính phủ đã tồn tại trong lịch sử, trong tất cả các khái niệm và thể chế đã thử nghiệm, không có hình thức nào thực sự thành công trong việc kiềm chế quyền lực của nhà nước. Rõ ràng, vấn đề của nhà nước vẫn còn rất xa mới có thể giải quyết. Có lẽ cần phải khám phá những con đường nghiên cứu mới, nếu muốn tìm ra một giải pháp thành công và cuối cùng cho vấn đề nhà nước.⁴⁴

⁴⁴ Chắc chắn, một yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ giải pháp nào cho vấn đề này là việc phá vỡ mối quan hệ giữa trí thức và nhà nước, thông qua việc tạo ra các trung tâm nghiên cứu và giáo dục độc lập với quyền lực nhà nước. Christopher Dawson lưu ý rằng các phong trào trí thức vĩ đại của thời Phục Hưng và Ánh Sáng đã được hình thành bên ngoài, và có khi là chống lại, các trường đại học vốn đã bám rễ lâu dài. Những học viện này, nơi nuôi dưỡng các ý tưởng mới, được thành lập bởi các nhà bảo trợ độc lập. Xem Christopher Dawson, *The Crisis of Western Education* (New York: Sheed and Ward, 1961).